

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 100 /QĐ-UBND

Mỹ Yên, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
năm 2024 của UBND xã Mỹ Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 70 /NQ – HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của HĐND xã Mỹ Yên về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của UBND xã Mỹ Yên (kèm theo thuyết minh, các biểu kèm theo Quyết định này).

Hình thức công khai: Dán niêm yết tại UBND xã, nhà văn hóa các xóm, trên cụm loa truyền thanh, cổng thông tin điện tử

Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 05/5/2025 đến 05/6/2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Mỹ Yên, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Khê





Thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách xã năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/NQ-HĐND ngày 27/4/2025 của Hội đồng nhân dân xã Mỹ Yên về việc phê duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

UBND xã Mỹ Yên thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách năm 2024 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách xã năm 2024 (đính kèm biểu số 116/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 20.973.523.687 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 110.281.799 đồng

+ Thu bổ sung: 17.958.148.712 đồng

+ Thu chuyển nguồn: 2.679.695.215 đồng

+ Thu kết dư NS : 194.291.902 đồng

- Tổng số chi: 20.967.552.075 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 9.327.488.762 đồng

+ Chi thường xuyên: 9.457.237.409 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 2.182.825.904 đồng

- Kết dư ngân sách: 5.971.612 đồng

2. Quyết toán thu ngân sách xã năm 2024 (đính kèm biểu số 117/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã năm 2024: 20.973.523.687 đồng đạt 283,58% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã năm 2024 thực hiện là: 141.387.858 đồng đạt 117,8% so với dự toán HĐND xã giao. Thu cân đối ngân sách năm 2024 vượt kế hoạch so với dự toán đầu năm. Một số khoản thu đạt kết quả cao như: lệ phí trước bạ đạt 140,26%;

3. Quyết toán chi ngân sách xã năm 2024 (đính kèm biểu số 118/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã năm 2024 là: 20.967.552.075 đồng, đạt 183,5% kế hoạch .

Trong đó : + Chi đầu tư phát triển: 9.327.488.762 đồng

+ Chi thường xuyên: 9.457.237.409 đồng





+ Chi chuyển nguồn: 2.182.825.904 đồng

4. Đánh giá về tình hình thực hiện quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024

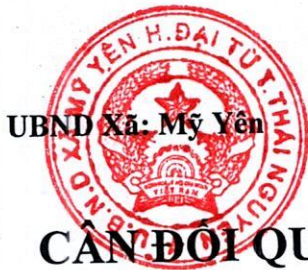
Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2024 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách năm 2024 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2024 của UBND xã Mỹ Yên.







UBND Xã: Mỹ Yên

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	20.973.523.687	Tổng số chi	20.967.552.075
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	107.183.827	I. Chi đầu tư phát triển	9.327.488.762
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	34.204.031	II. Chi thường xuyên	9.457.237.409
III. Thu bổ sung	17.958.148.712	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.182.825.904
- Bổ sung cân đối	6.072.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	11.886.148.712		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	194.291.902		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	2.679.695.215		
Kết dư ngân sách	5.971.612		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.





UBND Xã: Mỹ Yên

Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	Tổng số thu	7.528.000.000	7.396.000.000	21.168.869.639	20.973.523.687	281,2	283,58		
I	Các khoản thu 100%	99.000.000	99.000.000	111.403.472	107.183.827	112,53	108,27		
1	Phí, lệ phí	33.000.000	33.000.000	23.260.000	23.260.000	70,48	70,48		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	7.200.000	7.200.000	102,86	102,896		
4	Thuế sử dụng đất phi NN			7.545.774	7.545.774				
5	Lệ phí trước bạ nhà đất	33.000.000	33.000.000	46.286.417	46.286.417				
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	26.000.000	26.000.000	27.111.281	22.891.636	104,27	88,04		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	156.000.000	24.000.000	225.330.338	34.204.031	144,44	142,52		
1	Các khoản thu phân chia								
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất								
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định								





	Thuế TCN từ HDSXKD	6.000.000		17.513.468		291,89	
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
23	Thuế thu nhập từ tiền công, tiền lương						
24	Thuế giá trị gia tăng	24.000.000		35.629.196	34.204.031	148,45	142,52
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân từ BĐS	126.000.000		172.187.674		136,66	
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	2.679.695.215	2.679.695.215		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			194.291.902	194.291.902		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.273.000.000	7.273.000.000	17.958.148.712	17.958.148.712	246,92	246,92
1	Thu bổ sung cân đối	6.072.000.000	6.072.000.000	6.072.000.000	6.072.000.000	100	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.201.000.000	1.201.000.000	11.886.148.712	11.886.148.712	989,69	989,69





UBND Xã: Mỹ Yên

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

[illegible]



8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000	31.500.000	2.349.837.412	2.181.200.412	131.849.310	7459,8	535,36
	Giao thông	18.000.000	18.000.000	1.165.000.412	1.131.200.412	33.800.000	6472,2	187,78
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	13.500.000	13.500.000	734.837.000	600.000.000	134.837.000	5443,24	998,78
	Thị chính							
	Thương mại, du lịch			450.000.000	450.000.000			
	Các hoạt động kinh tế khác							
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.434.327.400	5.434.327.400	8.056.820.298	1.262.000.000	6.794.820.298	148,26	125,04
	Quản lý Nhà nước	2.441.587.784	2.441.587.784	5.214.651.298	1.262.000.000	3.952.651.298	125,17	125,17
	Đảng Cộng sản Việt Nam	1.034.264.000	1.034.264.000	1.294.575.132		1.294.575.132	125,17	125,17
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	579.385.000	579.385.000	650.232.914		650.232.914	112,23	112,23
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	155.848.000	155.848.000	236.247.745		236.247.745	172,93	172,93
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	152.648.000	152.648.000	263.975.465		263.975.465	172,93	172,93
	Hội Cựu chiến binh	126.616.000	126.616.000	211.669.562		211.669.562	167,17	167,17
	Hội Nông dân	126.951.000	126.951.000	185.468.182		185.468.182	146,09	146,09
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)							
10	Chi cho công tác xã hội	186.076.000	186.076.000	157.839.600		157.839.600	84,83	84,83
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác							
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nuơng tựa							
	Trợ cấp xã hội							
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng							
11	Chi khác	164.592.000	164.592.000	248.700.400		248.700.400	151,1	151,1
	Hội người cao tuổi	39.816.000	39.816.000	101.170.800		101.170.800	254,1	254,1
	Hội Thanh niên xung phong	21.240.000	21.240.000	24.356.000		24.356.000	114,67	114,67
	Hội Da Cam	21.240.000	21.240.000	27.343.200		27.343.200	128,73	128,73
	Hội Khuyến học	21.240.000	21.240.000	24.356.000		24.356.000	114,67	114,67
	Hội Đông y	21.240.000	21.240.000	25.356.000		25.356.000	119,38	119,38

	Hội Chữ thập đỏ	39.816.000	39.816.000	46.118.400	46.118.400	115,83	115,83
12	Dự phòng	110.000.000	110.000.000				
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau						

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2024
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn ngân sách tỉnh, huyện	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ								
1. Công trình đã quyết toán								
Nhà trực tiếp dân (một cửa) xã Mỹ Yên	2023	1.020.000.000		940.000.000	20.000.000		20.000.000	
Nhà văn hoá xóm Đồng Khảm xã Mỹ Yên HM: Sân bê tông	2024	18.330.705		18.330.705	7.257.600		7.257.600	
Nhà văn hoá xóm La Hồng xã Mỹ Yên HM: Sân bê tông	2024	51.481.110		51.481.110	18.000.000		18.000.000	
Nhà văn hoá xóm Cao Chùa xã Mỹ Yên HM: Sân bê tông	2024	44.246.530		44.246.530	17.496.000		17.496.000	
Nhà văn hoá xóm Đồng Cạn xã Mỹ Yên	2023-2024	981.232.475			140.000.000		140.000.000	
Nhà văn hoá xóm La Vương xã Mỹ Yên	2023-2024	706.061.741			140.000.000		140.000.000	
Nhà văn hoá xóm Hà Thuận xã Mỹ Yên	2023-2024	832.872.198			140.000.000		140.000.000	
Nhà văn hoá xóm Kỳ Linh xã Mỹ Yên	2023-2024	894.517.685			140.000.000		140.000.000	
Nhà văn hoá xóm La Yên xã Mỹ Yên	2023-2024	898.099.034			140.000.000		140.000.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2023(gói 2)	2023-2024	840.117.838			363.893.580		363.893.580	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2023(gói 3)	2023-2024	726.605.588			335.693.832		335.693.832	



Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Yên huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	2021 -2022	317.518.947		264.006.000	242.000.000	242.000.000	
2. Công trình chuyển tiếp							
Xây dựng sân thể thao xã Mỹ Yên	2023- 2024	12.000.000.000		10.968.606.030	5.141.534.750	5.141.534.750	
Mương thoát nước thải khu vực trung tâm xã Mỹ Yên huyện Đại từ.	2022-2024	2.332.344.807		2.065.000.000	600.000.000	600.000.000	
3. Công trình khởi công mới							
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024(gói 11)	2024	147.235.585			33.480.000	33.480.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024(gói 9)	2024	107.586.731			24.552.000	24.552.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024(gói 3)	2024	355.309.377			69.006.000	69.006.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024(gói 5)	2024	454.093.621			102.207.000	102.207.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024(gói 2)	2024	637.138.539			122.667.000	122.667.000	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2023(gói 5)	2024	303.316.252			18.972.000	18.972.000	
Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quản sự xã Mỹ yên HM: San nên	2024-2025	1.600.249.351			1.000.000.000	1.000.000.000	

UBND Xã: Mỹ Yên

Biểu số 120/CKTC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+)(-)
TỔNG SỐ				284.682.400	215.828.400	80.662.579
1.Hoạt động quỹ công chuyên dùng				284.682.400	215.828.400	80.662.579
-Quỹ đền ơn đáp nghĩa				47.620.000	34.795.000	12.825.000
-Quỹ bảo trợ trẻ em				45.340.000	32.700.000	12.640.000
-Quỹ vì người nghèo				63.471.200	45.472.200	28.073.579
-Quỹ người cao tuổi				43.090.000	43.000.000	90.000
-Quỹ nhân đạo				35.935.000	17.500.000	20.169.000
-Quỹ khuyến học				34.415.000	27.550.000	6.865.000
Quỹ phòng chống thiên tai				14.811.200	14.811.200	0



